

Số: **15** /2014/QĐ-UBND

Thái Bình, ngày **24** tháng 9 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định một số cơ chế, chính sách hỗ trợ thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thái Bình, giai đoạn đến năm 2020.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09/4/2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 1196/QĐ-TTg ngày 23/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống cấp, thoát nước và xử lý chất thải rắn sinh hoạt”;

Căn cứ Thông tư số 121/2008/TT-BTC ngày 12/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế ưu đãi và hỗ trợ tài chính đối với hoạt động đầu tư cho quản lý chất thải rắn;

Căn cứ Nghị quyết số 19/2014/NQ-HĐND ngày 10/9/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt một số cơ chế, chính sách hỗ trợ thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thái Bình, giai đoạn đến năm 2020;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 228/TTr-SKHĐT ngày 24/9/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số cơ chế, chính sách hỗ trợ thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thái Bình, giai đoạn đến năm 2020.

Điều 2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ngành, đơn vị liên quan hướng dẫn thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký; các quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh trước đây có nội dung trái với quy định tại Quyết định này thì bị bãi bỏ.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT, TC, TN&MT, XD, KH & CN, NN&PTNT;
- Cục Kiểm tra VB QPPL, Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các đ/c Bí thư huyện, Thành ủy;
- Như Điều 3;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- LĐ VPUBND tỉnh;
- Phòng: NNTNMT, TH, MCLT;
- Lưu: VT, KHTC

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Phạm Văn Sinh

QUY ĐỊNH

Một số cơ chế, chính sách hỗ trợ thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thái Bình, giai đoạn đến năm 2020.

(Ban hành kèm theo Quyết định số 15 /2014/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2014
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Nguyên tắc thực hiện

1. Việc xử lý rác thải sinh hoạt, bảo vệ môi trường là trách nhiệm của các cấp và của các tổ chức, cá nhân có hoạt động xả rác thải vào môi trường. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm chủ động tổ chức việc thu gom, xử lý rác thải trên địa bàn quản lý.

2. Kinh phí để tổ chức việc thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải gồm:

a) Ngân sách của các cấp đầu tư, hỗ trợ, trong đó ngân sách tỉnh hỗ trợ một phần theo quy định tại Quy định này.

b) Kinh phí đóng góp của các tổ chức, cá nhân có hoạt động xả rác thải vào môi trường (gọi là phí vệ sinh môi trường).

c) Kinh phí viện trợ, tài trợ của các tổ chức, cá nhân theo cơ chế xã hội hóa.

3. Tất cả các xã, thị trấn (gọi chung là xã) phải tổ chức thực hiện việc thu gom toàn bộ rác thải trên địa bàn đến khu tập kết rác tập trung của xã theo quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt để xử lý hoặc để vận chuyển đến cơ sở xử lý tập trung cho nhiều xã (cơ sở xử lý rác của Nhà đầu tư được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư hoặc cơ sở xử lý của cụm xã). Đối với các xã, phường thuộc Thành phố Thái Bình phải tổ chức thực hiện việc thu gom rác thải đến khu tập kết rác theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố để vận chuyển đến cơ sở xử lý rác của Công ty TNHH một thành viên Môi trường và công trình đô thị Thái Bình.

4. Khuyến khích việc xử lý rác thải sinh hoạt nông thôn tập trung theo hướng xử lý bằng công nghệ (công nghệ lò đốt hoặc công nghệ khác), đồng thời khuyến khích việc xây dựng, vận hành xử lý rác thải theo quy mô cụm xã; hạn chế, không chôn lấp rác thải.

5. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành cơ chế hỗ trợ thống nhất cho tất cả các xã thực hiện xử lý rác thải bằng công nghệ lò đốt. Việc tổ chức xử lý rác bằng công nghệ lò đốt theo cụm xã (2 xã trở lên) do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc quy hoạch và chỉ đạo tổ chức thực hiện hoặc do các xã tự liên kết tổ chức và được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt đề án, phân bổ kinh phí tổ chức thực hiện theo định mức hỗ trợ của tỉnh.

6. Ưu tiên hỗ trợ kinh phí xây dựng, mua sắm thiết bị và kinh phí xử lý rác thải theo công nghệ lò đốt đối với các cơ sở xử lý rác thải theo cụm xã, các xã đạt nhiều tiêu chí hơn về xây dựng nông thôn mới và đã hoàn thành việc giải phóng mặt bằng khu xử lý rác thải theo quy hoạch được duyệt; trường hợp các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nhưng bị giảm tiêu chí so với thời điểm công nhận do không duy trì được, thì tính theo các tiêu chí hiện tại còn duy trì được.

7. Đối với các cơ sở xử lý rác thải do Nhà đầu tư thực hiện đầu tư và vận hành xử lý rác thải thì không thuộc đối tượng áp dụng tại Quy định này; Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt cụ thể về cơ chế hỗ trợ và cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho từng dự án.

Chương II

CƠ CHẾ HỖ TRỢ THU GOM RÁC THẢI SINH HOẠT ĐỐI VỚI CÁC XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

Điều 2. Hỗ trợ chung đối với việc thu gom rác thải sinh hoạt tại các xã, phường, thị trấn.

1. Hằng năm, ngân sách tỉnh hỗ trợ cho việc thu gom rác thải theo quy định với tất cả các xã, phường, thị trấn; không phân biệt xã, phường, thị trấn đã có hay chưa có cơ sở xử lý rác thải sinh hoạt bằng công nghệ lò đốt hoặc công nghệ khác.

2. Định mức ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ cho sự nghiệp môi trường để tổ chức việc thu gom rác thải theo quy định tại Khoản 1 Điều này là: 10.000 đồng/người/năm, tính theo số liệu thống kê dân số của năm trước liền kề và được giao dự toán chi ngân sách hằng năm của các xã, phường, thị trấn.

Trường hợp các xã, thị trấn chưa thực hiện xử lý rác thải bằng công nghệ lò đốt hoặc công nghệ khác thì định mức hỗ trợ tại Khoản này bao gồm cả nhiệm vụ xử lý rác thải theo phương pháp của địa phương.

Trường hợp các xã, phường, thị trấn chưa thực hiện nghiêm túc việc thu gom rác thải theo quy định tại Khoản 3, Điều 1 Quy định này, để xảy ra việc xả rác thải tùy tiện thì sẽ bị thu hồi kinh phí hỗ trợ đến 50% định mức được hỗ trợ nêu trên.

Chương III

CƠ CHẾ HỖ TRỢ XỬ LÝ RÁC THẢI SINH HOẠT BẰNG CÔNG NGHỆ LÒ ĐỐT

Điều 3. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng cho việc xử lý rác thải sinh hoạt bằng công nghệ lò đốt.

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định về một số cơ chế, chính sách hỗ trợ cho việc xử lý rác thải sinh hoạt được quy định tại Điểm a, Khoản 2 Điều này đối với các xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh thực hiện xử lý rác thải bằng công nghệ lò đốt đến năm 2020.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Ủy ban nhân dân xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh; trừ các xã, thị trấn thuộc phạm vi Dự án xử lý rác thải tập trung được Ủy ban nhân dân cấp Giấy chứng nhận đầu tư và các xã, phường thuộc Thành phố Thái Bình được xử lý rác thải tại cơ sở xử lý rác của Công ty TNHH một thành viên Môi trường và công trình đô thị Thái Bình; trường hợp Công ty đã hoạt động hết công suất mà vẫn chưa xử lý hết lượng rác thải của tất cả các xã, phường thì áp dụng cơ chế tại Quy định này đối với các xã chưa được xử lý rác thải, do Ủy ban nhân dân Thành phố xác định cụ thể.

b) Các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện Quy định này.

Điều 4. Điều kiện được ngân sách tỉnh hỗ trợ

1. Các cơ sở thực hiện đầu tư xây dựng và vận hành xử lý rác thải sinh hoạt tập trung theo công nghệ lò đốt.

2. Công nghệ lò đốt được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận hoạt động hoặc được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép hoạt động.

Điều 5. Phương thức và nguồn vốn hỗ trợ đầu tư

1. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ sau đầu tư, việc hỗ trợ được thực hiện sau khi công trình hoàn thành, đi vào hoạt động.

2. Nguồn vốn hỗ trợ: Từ kinh phí sự nghiệp môi trường, vốn hỗ trợ xây dựng nông thôn mới và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 6. Cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư và vận hành xử lý rác bằng công nghệ lò đốt.

1. Định mức kinh phí hỗ trợ việc xây dựng, mua sắm thiết bị: 500 triệu đồng/xã, thị trấn.
2. Định mức hỗ trợ kinh phí xử lý rác thải: Ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ 15.000 đồng/người/năm tính theo số liệu thống kê dân số của năm trước liền kề.
3. Trường hợp tổ chức xử lý rác thải quy mô cụm xã thì được hỗ trợ bằng tổng số kinh phí hỗ trợ của các xã trong cụm, theo định mức quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này. Trong đó, kinh phí hỗ trợ theo Khoản 1 Điều này dùng để thanh toán kinh phí xây dựng, mua sắm thiết bị lò đốt, hạ tầng khu xử lý rác thải và mua sắm phương tiện vận chuyển rác thải; kinh phí hỗ trợ theo định mức quy định tại Khoản 2 Điều này bao gồm cả kinh phí vận chuyển rác thải từ điểm tập kết rác thải tập trung của các xã về tỉnh về cơ sở xử lý.
4. Đối với các xã, thị trấn đã đầu tư và vận hành xử lý rác bằng công nghệ lò đốt trước khi Quy định này có hiệu lực thì được áp dụng hỗ trợ theo quy định tại Điều này.

Điều 7. Cơ chế quản lý và phương thức cấp vốn hỗ trợ

1. Kinh phí hỗ trợ mua sắm thiết bị:
 - a) Căn cứ vào dự toán ngân sách được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh lập kế hoạch phân bổ vốn hỗ trợ cho các xã, thị trấn, thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trước khi phê duyệt và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.
 - b) Ủy ban nhân dân tỉnh cấp bổ sung có mục tiêu qua ngân sách huyện để hỗ trợ cho các xã, thị trấn đã hoàn thành xây dựng, mua sắm thiết bị lò đốt rác và đi vào hoạt động, được nghiệm thu.
2. Kinh phí hỗ trợ xử lý rác thải: Ủy ban nhân dân tỉnh cấp bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện để cấp cho các xã, thị trấn theo định kỳ hằng quý trong năm. Trường hợp các cơ sở xử lý rác thải chưa thực hiện việc vận chuyển và xử lý hết toàn bộ rác thải trên địa bàn theo đúng quy định thì bị thu hồi kinh phí hỗ trợ theo mức độ vi phạm.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Đối với tất cả các xã, phường, thị trấn phải tổ chức công tác tuyên truyền về bảo vệ môi trường, thu gom, xử lý rác thải; tổ chức việc thu gom rác thải đến vị trí tập kết rác để vận chuyển đến nơi xử lý hoặc xử lý tại địa bàn và tổ chức thu, quản lý phí vệ sinh theo quy định.
2. Đối với các xã, thị trấn thực hiện xử lý rác thải tại địa bàn.
 - a) Bố trí mặt bằng, xây dựng cơ sở xử lý rác tập trung theo đúng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tổ chức xử lý rác tại địa phương bảo đảm vệ sinh môi trường theo quy định.
 - b) Tự cân đối kinh phí thu gom, vận chuyển và xử lý rác trên cơ sở nguồn thu phí vệ sinh môi trường theo quy định, kinh phí ngân sách cấp trên hỗ trợ, kinh phí thuộc ngân sách địa phương cơ sở và các nguồn vốn hợp pháp khác.
 - c) Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định hiện hành.
3. Đối với các xã, thị trấn là cơ sở thực hiện xử lý rác tập trung bằng công nghệ lò đốt theo cụm xã.
 - a) Bố trí mặt bằng, tổ chức triển khai xây dựng cơ sở xử lý rác tập trung theo quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
 - b) Tổ chức thu gom, vận chuyển hết lượng rác thải sinh hoạt từ khu tập kết rác tập trung của các xã trong cụm (vệ tinh của cơ sở xử lý) đến cơ sở xử lý rác tập trung trên địa bàn để xử lý.

c) Tự cân đối kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý rác trên cơ sở nguồn thu phí vệ sinh môi trường, kinh phí ngân sách cấp trên hỗ trợ, kinh phí thuộc ngân sách địa phương cơ sở và các nguồn vốn hợp pháp khác.

d) Bảo đảm an ninh trật tự, an toàn lao động trong quá trình xây dựng, vận hành cơ sở xử lý rác tập trung.

đ) Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định hiện hành.

4. Đối với tất cả các xã, phường, thị trấn là vệ tinh của cơ sở xử lý rác tập trung bằng công nghệ lò đốt theo cụm xã.

a) Bố trí mặt bằng, xây dựng khu tập kết rác tập trung theo quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và thu gom hết lượng rác thải sinh hoạt đến khu tập kết rác tập trung của xã để vận chuyển đến cơ sở xử lý rác của cụm xã.

b) Tự cân đối kinh phí thu gom rác trên cơ sở nguồn thu phí vệ sinh môi trường, kinh phí ngân sách cấp trên hỗ trợ, kinh phí thuộc ngân sách địa phương cơ sở và các nguồn vốn hợp pháp khác.

c) Tạo điều kiện và đảm bảo an ninh trật tự cho việc vận chuyển rác đến cơ sở xử lý tập trung của cụm xã.

d) Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định hiện hành.

đ) Đối với các xã, phường trên địa bàn Thành phố Thái Bình phải thực hiện việc thu gom rác thải đến địa điểm tập kết theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố bảo đảm vệ sinh môi trường và để kịp thời vận chuyển rác đến nơi xử lý.

Điều 9. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Chỉ đạo việc thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải trên địa bàn quản lý; chỉ đạo các xã, phường, thị trấn thu phí vệ sinh theo đúng quy định.

2. Quy hoạch các cơ sở xử lý rác tập trung trên địa bàn huyện theo quy định, bao gồm các khu tập kết rác để vận chuyển đến cơ sở xử lý, các khu xử lý rác của 1 xã, cụm xã.

3. Hằng năm tổng hợp danh sách các xã đăng ký xây dựng cơ sở xử lý rác tập trung bằng công nghệ lò đốt, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hỗ trợ theo Quy định này.

4. Chỉ đạo xã được quy hoạch cơ sở xử lý rác tập trung thực hiện việc đầu tư, quản lý, vận hành cơ sở xử lý rác tập trung theo đúng quy định.

5. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong hoạt động đầu tư xây dựng cơ sở xử lý rác tập trung; đôn đốc, kiểm tra, giám sát trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện của các xã.

6. Quản lý, cấp phát, thanh, quyết toán kinh phí ngân sách tỉnh hỗ trợ cho các xã, phường, thị trấn đảm bảo việc thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải đúng theo Quy định này và các quy định hiện hành của Nhà nước.

7. Xây dựng cơ chế hỗ trợ thêm kinh phí cho các xã, phường, thị trấn để tổ chức thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải phù hợp với tình hình thực tế và khả năng ngân sách địa phương.

Điều 10. Trách nhiệm của các Sở, ngành, đơn vị có liên quan

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan hướng dẫn thực hiện Quy định này.

b) Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, bố trí kế hoạch vốn hỗ trợ đầu tư và tổ chức giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định.

c) Theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện cơ chế, chính sách, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo yêu cầu và nghiên cứu, tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cơ chế chính sách khi cần thiết.

2. Sở Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài Nguyên và Môi trường, các sở, ngành liên quan cân đối, bố trí nguồn vốn hỗ trợ đầu tư.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh mức thu phí vệ sinh trên địa bàn tỉnh theo quy định hiện hành của Nhà nước, phù hợp với từng thời kỳ và tình hình thực tế của từng địa phương.

c) Theo dõi, hướng dẫn thực hiện thanh quyết toán vốn hỗ trợ theo quy định.

3. Sở Xây dựng:

a) Hướng dẫn, kiểm tra giám sát Ủy ban nhân dân các huyện thực hiện quy hoạch khu xử lý rác thải tập trung theo công nghệ lò đốt đảm bảo theo quy hoạch đã được phê duyệt.

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, đánh giá các thông số kỹ thuật cơ bản của lò đốt rác thải sinh hoạt; thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải theo quy định.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Thực hiện công tác quản lý nhà nước về đất đai, bảo vệ môi trường; kiểm tra, theo dõi và xử lý (nếu có vi phạm) theo quy định.

b) Chủ trì phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan kiểm tra, đánh giá các thông số kỹ thuật cơ bản của lò đốt rác thải trước khi đi vào hoạt động chính thức.

c) Phối hợp với Sở Tài chính cân đối, bố trí nguồn vốn hỗ trợ từ kinh phí sự nghiệp tài nguyên và môi trường hằng năm.

5. Sở Khoa học và Công nghệ:

a) Thẩm tra công nghệ xử lý rác; chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan thực hiện các quy định về chuyển giao công nghệ xử lý rác thải sinh hoạt.

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, đánh giá các thông số kỹ thuật cơ bản của lò đốt rác thải.

6. Cục Thuế tỉnh: Hướng dẫn nhà đầu tư làm các thủ tục để được hưởng các chính sách ưu đãi về thuế, tiền thuê đất theo quy định.

7. Bộ phận Một cửa liên thông của tỉnh: Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các địa phương hướng dẫn Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư và vận hành xử lý rác thải theo cơ chế một cửa liên thông của tỉnh trong lĩnh vực đầu tư.

8. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình Thái Bình, Báo Thái Bình và các cơ quan truyền thông tập trung tuyên truyền chủ trương, quan điểm, kết quả thực hiện cơ chế chính sách hỗ trợ thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

9. Các sở, ban, ngành khác và các đơn vị có liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, tổ chức thực hiện các nội dung của Quy định này.

Điều 11. Điều khoản thi hành

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện đúng Quy định này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc kịp thời phản ánh về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. /

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Phạm Văn Sinh